TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Kha.
Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐ-ST ngày 01/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 167/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 14/12/1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn văn D, sinh ngày 17/11/1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại Đài Loan, không rõ địa chỉ.
Địa chỉ cư trú cuối cùng của anh D tại Việt Nam: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh D được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, anh, chị chung sống với nhau một thời gian tại Đài Loan sau đó về nước kết hôn. Sau khi kết hôn chị về nhà anh D làm dâu

và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Anh, chị chung sống cùng nhau được khoảng 02 tháng thì anh D tiếp tục sang Đài Loan lao động, cuối năm 2021 chị cũng sang Đài Loan lao động. Anh, chị chung sống với nhau được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị phát hiện anh D có quan hệ với người phụ nữ khác. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn, chị đã nhiều lần khuyên bảo anh D với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị và anh D đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12/2021 đến nay anh, chị không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị về nước sinh sống và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn văn D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà My, sinh ngày 16/02/2019. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn văn D là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 30/11/2022 và 08/12/2022 ông Nguyễn Văn N là bố đẻ anh Nguyễn văn D cung cấp anh D hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, tuy nhiên ông không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D. Về hôn nhân của anh D, chị H, ông bà cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị H về nhà bà làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh D và chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi anh D, chị H sang Đài Loan một thời gian thì thấy chị H nói vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là anh D có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông bà có khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng không được. Anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 16/02/2019. Tài sản chung của anh, chị không có. Ông N cho biết anh D vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình nhưng anh D không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh D tại Đài Loan.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị H; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh Nguyễn văn D và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn văn D.

Về con chung: Do anh D hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 16/02/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh D và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn trả lời số 24506/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 16/11/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh D xuất cảnh gần nhất ngày 08/02/2020, hiện chưa có thông tin nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định anh D hiện nay đang lao động tại nước ngoài. Mặt khác, anh D là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh D thông qua ông N và đề nghị ông N thông báo cho anh D biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Nguyễn văn D. Ông N cho biết anh D vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh D không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh D tại Đài Loan. Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn và ông N, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh D trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn văn D.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn văn D. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh D chung sống với nhau hòa thuận. Tuy nhiên sau khi chị H và anh D đi lao động tại Đài Loan một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị H xác định kể từ tháng 12/2021 vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh D, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứu chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh D, xử cho chị H được ly hôn anh D là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 16/02/2019. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị H và do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh D đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặt khác, từ khi anh D đi lao động tại nước ngoài

cho đến nay chị H vẫn là người trực triếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, con chung phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H đối với yêu cầu giao con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn văn D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Nguyễn văn D về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Anh Nguyễn văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 16/02/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn văn D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000714 ngày 14/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Xuân Lộc